

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2125 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường  
của Dự án “Đầu tư nhà máy xử lý rác thải công nghiệp”**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư nhà máy xử lý rác thải công nghiệp” họp ngày 07 tháng 5 năm 2019;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư nhà máy xử lý rác thải công nghiệp” đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 19/MTCN-TN ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Công ty TNHH Môi trường công nghiệp Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư nhà máy xử lý rác thải công nghiệp” tại xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi là Dự án) được lập bởi Công ty TNHH Môi trường công nghiệp Thái Nguyên (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:



1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:
  - 1.1. Một (01) lò đốt chất thải công nghiệp, công suất 3.000 kg/giờ.
  - 1.2. Hệ thống ổn định, hóa rắn chất thải, công suất 40 tấn/ngày.
  - 1.3. Hệ thống tái chế dầu nhớt thải, công suất 15 tấn/ngày.
  - 1.4. Hệ thống phá dỡ ắc quy thải, công suất 10 tấn/ngày.
  - 1.5. Hệ thống tái chế dung môi, công suất 15 tấn/ngày.
  - 1.6. Hệ thống xử lý nước thải, công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày; hồ điều hòa kết hợp hồ ứng phó sự cố, dung tích 1.000 m<sup>3</sup>.
  - 1.7. Hệ thống súc rửa thùng phuy, công suất 20 tấn/ngày.
  - 1.8. Hệ thống tẩy rửa kim loại có thành phần nguy hại, công suất 50 tấn/ngày.
  - 1.9. Hệ thống xử lý bóng đèn huỳnh quang thải, công suất 500 kg/ngày.
  - 1.10. Hệ thống xử lý bùn thải, công suất 50 tấn/ngày.
  - 1.11. Hệ thống xử lý chất thải điện tử, công suất 20 tấn/ngày.
  - 1.12. Hệ thống tái chế nhựa từ nguyên liệu trong nước, công suất 20 tấn/ngày.
  - 1.13. Hệ thống tái chế nhôm, kẽm, công suất 20 tấn/ngày.
  - 1.14. Bốn (04) bể cô lập chất thải bằng đóng kén trong bể bê tông (bể đóng kén), thể tích mỗi bể 500 m<sup>3</sup>.
2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Dự án:
  - 2.1. Tuân thủ các quy chuẩn môi trường hiện hành có liên quan và các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Dự án.
  - 2.2. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của Dự án đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 1,0$ ) trước khi xả thải.
  - 2.3. Thực hiện các yêu cầu kỹ thuật và môi trường đối với lò đốt chất thải công nghiệp theo quy định tại QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp (cột B).
  - 2.4. Thu gom, xử lý khí thải từ hệ thống tái chế dầu nhớt thải theo quy định tại QCVN 56:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái chế dầu thải; thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các hạng mục, công trình khác của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, hệ số  $K_p = 1,0$  và  $K_v = 1,2$ ) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2.5. Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục (có camera theo dõi, được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng), truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên đối với khí thải lò đốt chất thải công nghiệp (bao gồm các thông số lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O<sub>2</sub> dư, bụi tổng, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO) và hệ thống xử lý nước thải (bao gồm các thông số lưu lượng đầu vào và đầu ra, nhiệt độ, pH, TSS, COD, amonia).

2.6. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

2.7. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

### 3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.2. Chỉ được phép triển khai xây dựng Dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo các quy định của pháp luật hiện hành; phối hợp thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Thực hiện các biện pháp quản lý phù hợp để kiểm soát chặt chẽ các nguồn chất thải ở các khâu tiếp nhận, lưu giữ và xử lý, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.4. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, vệ sinh công nghiệp và phòng chống sự cố trong giai đoạn thực hiện Dự án theo đúng các quy định của pháp luật.

3.5. Thực hiện đăng ký và công bố chất lượng của các loại sản phẩm tái chế của Dự án theo quy định của pháp luật.

3.6. Tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án đảm bảo diện tích đất được trồng cây xanh tối thiểu đạt 20% tổng diện tích đất của Dự án.

### **Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Thực hiện đăng ký cấp phép xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

4. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Tổng cục Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên và các đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1718/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư nhà máy xử lý rác thải công nghiệp tại xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên”.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Môi trường công nghiệp Thái Nguyên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở TN&MT tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT(04), Pg(12).

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**



Bộ Tài nguyên và Môi trường  
Email: [btmtt@monre.gov.vn](mailto:btmtt@monre.gov.vn)

Cơ quan: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Võ Tuấn Nhân  
Ngày ký: 21.08.2019  
09:13:09 +07:00